

UBND XÃ HƯNG NGUYỄN

HD.GPMB DỰ ÁN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC VINH - THANH THUỶ

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ VIỆC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB DỰ ÁN: THÀNH PHẦN 2 THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC VINH - THANH THUỶ TẠI XÃ HƯNG NGUYỄN, TỈNH NGHỆ AN

ỦY BAN NHÂN DÂN

XÃ HƯNG NGUYỄN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do-Hạnh phúc

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ VIỆC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB DỰ ÁN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC VINH - THANH THUỶ TẠI XÓM ĐẠI HUỆ, HẠI KHÊ, XÃ HƯNG TÂY TỈNH NGHỆ AN

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Hưng Nguyễn)

TT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ thường trú	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích	Diện tích trong QH	Diện tích còn lại	DT Thu hồi	Giá đất	Số nhân khẩu được hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền Bồi thường, hỗ trợ	Trong đó					
														Bồi thường đất	Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ khác	Bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=15+16+17+18+19+20	15=10*11	16=10*6,600	17=10*72450*2	18=12*13*30kg gạo *15,000	19=10*11	
2	Lê Thị Mơ (Trần Văn Sỹ (1970))	Đại Huệ	LUC	36	2375	235,2	149	86,2	235,2	72.450	5	3	59.423.040	17.040.240	1.552.320	34.080.480	6.750.000		
3	Nguyễn Duy Dung (Nguyễn Thị Nhung)	Đại Huệ	LUC	48	3068	4175,5	4175,5	0	4175,5	72.450	5	12	357.073.275	302.514.975	27.558.300		27.000.000		
3	Nguyễn Ngọc Nào (Nguyễn Thị Nghiên)	Đại Huệ	LUC	41	1152	708	643,7	64,3	708	72.450	9	6	182.856.600	51.294.600	4.672.800	102.589.200	24.300.000		
4	Nguyễn Thị Châu (Hồng)	Đại Huệ	LUC	48	2687	1530,6	1405,5	125,1	1405,5	72.450	7	12	148.904.775	101.828.475	9.276.300		37.800.000		
5	Nguyễn Thị Châu (Hồng)	Đại Huệ	LUC	48	2717	3763	3746,9	16,1	3763	72.450			297.465.150	272.629.350	24.835.800				
6	Nguyễn Văn Cầu (Nguyễn Thị Nguyệt)	Đại Huệ	LUC	41	1102	912,8	584,9	327,9	584,9	72.450	7	4	143.588.355	42.376.005	3.860.340	84.752.010	12.600.000		
7	Nguyễn Thị Thao -Trần Văn Xứ	Đại Huệ	LUC	36	2368	195,3	103,8	91,5	195,3	72.450	4	3	49.137.435	14.149.485	1.288.980	28.298.970	5.400.000		
8	Phan Hữu Bá (Phan Thị Tinh)	Đại Huệ	LUC	36	2363	263,6	115,1	148,5	115,1	72.450	6	3	33.876.645	8.338.995	759.660	16.677.990	8.100.000		
9	Trần Thị Lợi và các đồng thừa kế của ông Cao Văn Yên (Trần Thị Lợi TTSX)	Đại Huệ	LUC	36	2358	163,5	64,3	99,2	163,5	72.450	8	3	47.415.825	11.845.575	1.079.100	23.691.150	10.800.000		
10	Trần Thị Sen	Đại Huệ	LUC	41	1131	1537,8	1129,9	407,9	1129,9	72.450	9	6	277.341.105	81.861.255	7.457.340	163.722.510	24.300.000		
12	Trần Xuân Nguyễn	Hạ Khê	LUC	48	3071	2445,2	213	2232,2	213	72.450			47.701.350	15.431.850	1.405.800	30.863.700			
13	Hoàng Văn Hiền và các đồng sử dụng của bà Nguyễn Thị Tứ	Đại Huệ	LUC	48	2455	1020,3	825,6	194,7	825,6	72.450	4	3	190.293.120	59.814.720	5.448.960	119.629.440	5.400.000		
14	UBND xã (Hoàng Văn Hiền)	Đại Huệ	LUC	48	2471	196,3	94,4	101,9	94,4	72.450			7.462.320		623.040			6.839.280	
11	UBND Nguyễn Thị Liên (Thông)	Hạ Khê	NTS	41	163	407,2	50,4	356,8	50,4	72.450			12.076.440		2.700.000			3.651.480	5.724.960
15	UBND xã (Hoàng Văn Đức)	Phúc hoà	LUC	48	1080	1970,1	1260,4	709,7	1260,4	72.450			91.315.980					91.315.980	
16	UBND xã (Hoàng Văn Đức)	Phúc hoà	LUC	48	1152	2264,1	1618,1	646	1618,1	72.450			117.231.345					117.231.345	
17	UBND xã (Hoàng Văn Đức)	Phúc hoà	LUC	48	1185	3377,9	3288,8	89,1	3288,8	72.450			238.273.560					238.273.560	
18	UBND xã (Hoàng Văn Đức)	Phúc hoà	LUC	48	1561	2042,5	1132,1	910,4	1132,1	72.450			82.020.645					82.020.645	
19	UBND xã (Hoàng Văn Đức)	Phúc hoà	LUC	48	2618	770,8	17,9	752,9	17,9	72.450			1.296.855					1.296.855	
20	UBND xã (Hoàng Văn Đức)	Phúc hoà	LUC	48	2659	1517,9	753,4	764,5	753,4	72.450			62.117.830		7.534.000			54.583.830	

TT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ thường trú	Loại đất	Số tờ	Số thửa	Diện tích	Diện tích trong QH	Diện tích còn lại	DT Thu hồi	Giá đất	Số nhân khẩu được hỗ trợ	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền Bồi thường, hỗ trợ	Trong đó					
														Bồi thường đất	Bồi thường cây cối, hoa màu	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ khác	Bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc
21	UBND xã (Hoàng Ngọc Vinh)	Hạ Khê	LUC	48	2630	484,6	411	73,6	411	72.450			32.489.550		2.712.600			29.776.950	
22	UBND xã (Nguyễn Thị Hoà)	Hạ Khê	LUC	48	2660	281,2	281,2	0	281,2	72.450			22.228.860		1.855.920			20.372.940	
23	Ngô Thị Liên	Hạ Khê	LUC	48	2646	884,5	884,5	0	884,5	72.450	2	6	5.400.000				5.400.000		
24	Phạm Ngọc Loan	Hạ Khê	LUC	46	1031	723,9	663,6	60,3	723,9	72.450	1	6	2.700.000				2.700.000		
25	Cao Đức Ái (Lai)	Hạ Khê	LUC	48	2243	603	37,9	565,1	37,9	72.450	1	3	1.350.000				1.350.000		
26	Vô Văn Thân (Hiên)	Hạ Khê	LUC	46	1030	1149,9	169,1	980,8	169,1	72.450	2	3	2.700.000				2.700.000		
27	Trần Đức Việt(Lý)	Hạ Khê	LUC	48	2574	757	757	0	757	72.450	1	6	2.700.000				2.700.000		
28	Nguyễn Văn Nhâm	Đại Huệ											18.970.000		18.970.000				
29	Nguyễn Văn Phương	Đại Huệ											19.635.000		19.635.000				
30	Hoàng Nghĩa Đường	Đại Huệ											19.965.000		19.965.000				
31	Trương Công Khanh	Đại Huệ											49.830.000		49.830.000				
32	Vô Công Hoà	Đại Huệ											47.700.000		47.700.000				
Tổng									22.422,2				2.672.540.060	979.125.525	260.721.260	604.305.450	177.300.000	645.362.865	5.724.960